TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HS-ST
Ngày: 12 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Nhài.
- *Thẩm phán:* Ông Dương Văn Bản
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đinh Thanh Hải
2. Bà Hà Thị Dung
3. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 81/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Ma Thị L; tên gọi khác: Không, sinh ngày 28/7/1980 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ trường THPT L5; con ông: Ma Ngọc C (đã chết) và con bà: Trần Thị Đ; có chồng: Dương Văn H (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt)

* Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn luật sư tỉnh T cử: Luật sư Nguyễn Thị Kim T, Văn phòng L6 - thuộc Đoàn luật sư tỉnh T - Có mặt.

Người bị hại:

1. Anh Trần Xuân H1, sinh năm 1990 (Có mặt)

Trú tại: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

2. Anh Chu Thanh T1, sinh năm 1995 (Có mặt)

Trú tại: Tổ C, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

3. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979 (Có mặt)

Trú tại: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

4. Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm 1996 (Có mặt)

Trú tại: Xóm C, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

5. Bà Phạm Thị L1 (Phạm Thị Thu L2), sinh năm 1972 (Có mặt)

Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Chị Ma Thị L3, sinh năm 1984 (Có mặt)

Trú tại: Xóm C, S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

**** Người làm chứng:***

1. Ông Dương Thế H2, sinh năm 1968 (Có mặt)

Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

2. Chị Nguyễn Thùy T3, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

3. Ông Hà Hồng H3, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ C, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ma Thị Lương nguyên là cán bộ trông coi, quản lý thư viện tại trường THPT L5, thành phố T. Do cần tiền để tiêu sài cá nhân nên từ năm 2020 đến năm 2022, L đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 05 bị hại, với tổng số tiền 861.500.000 đồng thông qua hình thức xin việc làm vào biên chế chính thức tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố T. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng cuối năm 2019, ông Hà Hồng H3, sinh năm: 1954, nơi đăng ký HKTT: tổ C, phường H, TP T có nói chuyện và giới thiệu Ma Thị L về việc L có khả năng xin được việc cho người khác vào làm tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố T với anh Chu Thanh T1, sinh năm 1995 (là hàng xóm của anh ông H3). Do có vợ là chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm: 1995, nơi đăng ký HKTT thôn N, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã tốt nghiệp trường Đại học K nhưng chưa có việc làm nên anh T1 có nguyện vọng muốn xin cho chị N vào làm việc tại cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố T. Sau đó anh T1 liên hệ với L và trình bày ý định muốn xin việc cho N. Biết được nhu cầu của gia đình T1, L nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của T1. Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, L đọc báo T4 để biết thông tin việc làm trên địa bàn thành phố T, sau đó L đưa ra thông tin gian dối là L có nhiều mối quan hệ với Lãnh đạo cấp tỉnh và Lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh T nên có thể nhờ xin việc cho chị N vào làm việc tại Phòng hành chính của Bệnh viện L7 với chi phí là 180.000.000 đồng. Tin tưởng L có thể xin được việc làm cho N nên ngày 20/01/2020, chị N đưa cho L số tiền 50.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 12 năm 2019, L yêu cầu N tự nộp hồ sơ tuyển dụng và đi thi tuyển vào làm tại phòng hành chính của Bệnh viện L7 và bệnh Phổi T, kết quả N thi không đỗ nhưng L không hoàn trả số tiền trên cho T1 mà tiếp tục hứa hẹn để L tìm việc làm khác cho N nếu đến đầu năm 2021, L không xin được việc làm cho N thì L sẽ trả lại số tiền trên cho vợ chồng anh T1.

Đầu năm 2021, do không có khả năng để trả lại tiền cho vợ chồng anh T1 nên L tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là có thể xin được việc làm cho anh T1 vào làm công chức địa chính tại một UBND xã trên địa bàn TP T với chi phí là 180.000.000 đồng và chuyển 50.000.000 đồng mà L nhận của vợ chồng T1 trước đó sang xin việc cho T1. Anh T1 đồng ý nhờ L xin việc nên vào các ngày 28/2/2022; 04/3/2022 ; 07/7/2022 và 10/12/2022 anh T1 chuyển cho L với tổng số tiền là 135.000.000 đồng. Nhận được tiền của anh T1, L không sử dụng để xin việc như đã hứa mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, tổng số tiền Ma Thị L chiếm đoạt của anh Chu Thanh T1 là 185.000.000 đồng. Đến nay L đã trả cho anh T1 50.000.000 đồng còn 170.000.000 đồng Lương chưa trả.

Vụ thứ hai: Năm 2020, chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1979, nơi đăng ký HKTT: tổ B, phường T, TP T gặp Ma Thị L tại trường THPT L5, TP T (do trước đây B và L là bạn học của nhau). L biết B tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kế toán nhưng chưa có việc làm nên L giới thiệu có mối quan hệ với Lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh T nên có thể xin việc cho B làm kế toán tại Bệnh viện L7 với số tiền chi phí để xin việc là 211.000.000 đồng. Chị B đồng ý nhờ L xin việc nên vào các ngày 07/12/2020; 16/12/2020 và 15/3/2021 chị B đưa trực tiếp cho L tại trường THPT L5, TP T với tổng số tiền 161.000.000 đồng và chuyển khoản cho L vào số tài khoản 39010001408479 tại ngân hàng B1 mang tên Ma Thị L vào các ngày: 28/01/2021; 22/3/2021 và 31/3/2021 với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền Lương không xin việc như thoả thuận mà chi tiêu hết, không trả lại cho chị B. Đến nay L đã trả cho B 116.000.000đồng, còn 95.000.000đ chưa trả.

Vụ thứ ba: Trong quá trình nói chuyện với chị Nguyễn Thị B, Ma Thị L còn đưa ra thông tin L còn một xuất biên chế chính thức vào lái xe tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên với số tiền chi phí xin việc là 70.000.000 đồng. Vì tin tưởng Ma Thị L có khả năng xin việc được cho người khác nên chị B giới thiệu anh Nguyễn Anh T2, sinh năm: 1996, nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã S, TP . (là cháu ruột của chị B) để nhờ L xin việc làm lái xe tại Kho bạc nhà nước tỉnh T. Nguyễn Anh T2 đồng ý và giao số tiền 70.000.000 đồng cho chị B. Ngày 06/02/2021 tại trường THPT L5, TP T chị B đưa cho L tổng số tiền 70.000.000 đồng, L cũng sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến nay L đã trả hết cho T2 số tiền trên.

Vụ thứ tư: Qua mối quan hệ xã hội, anh Trần Xuân H1, sinh năm: 1991, nơi đăng ký HKTT: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên quen biết Ma Thị L, Anh H1 có vợ là chị Nguyễn Thảo L4, sinh năm: 1991 là cán bộ công tác tại trường THCS N1, thị Trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do chị L4 công tác xa nhà nên anh H1 có nguyện vọng muốn xin cho chị L4 được về công tác trên địa bàn thành phố T. Biết được nhu cầu của H1 nên L nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của anh H1. L đưa ra thông tin gian dối là L có nhiều mối quan hệ với Lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh T nên có thể nhờ giúp xin việc cho chị L4 làm việc tại Trung tâm Y tế T5 với số tiền chi phí là 195.000.000 đồng. Anh H1 tin tưởng nên trong những ngày 12/5/2021, 14/5/2021 anh H1 đưa cho L trực tiếp tại trường THPT L5, TP T với số tiền 160.000.000 đồng và 03/9/2021 anh H1 chuyển khoản vào tài khoản của L là 35.000.000 đồng, tổng số tiền anh H1 chuyển cho L là 195.000.000 đồng. Nhưng sau đó L không xin việc cho chị L4 là vợ anh H1 mà sử dụng toàn bộ số tiền

đã nhận để tiêu xài cá nhân. Đến nay L đã trả cho H1 150.000.000đ còn 45.000.000 đồng chưa trả.

Vụ thứ năm: Bà Phạm Thị L2, sinh năm: 1972, nơi đăng ký HKTT: Tổ A, phường T, TP T có con dâu là chị Nguyễn Thùy T3, sinh năm: 1996 đã tốt nghiệp trường H4 và làm nhân viên hợp đồng tại Ngân hàng M chi nhánh T6. Bà L2 có nguyện vọng muốn xin cho chị T3 vào làm việc tại Cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố T. Bà L2 có quen biết với Ma Thị L từ trước (do gia đình bà L2 và gia đình L quen biết nhau đã lâu và thường xuyên qua lại). Khoảng tháng 02/2022, bà L2 nói chuyện có nguyện vọng muốn xin cho chị T3 vào làm việc tại Cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố T. Biết được sự việc nên L nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của bà L2. L đưa ra thông tin gian dối, L có quan hệ với Lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh T và có thể nhờ giúp xin việc cho chị T3 làm nhân viên kế toán tại Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên với số tiền chi phí là 200.500.000 đồng. Do tin tưởng nên bà L2 đã nhờ chồng là ông Dương Thế H2, sinh năm: 1968, trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T và chị T3 chuyển khoản và đưa trực tiếp cho L từ ngày 18/3/2022 đến ngày 02/5/2022 với tổng số tiền là 200.500.000 đồng và gửi hồ sơ, giấy tờ bằng cấp của chị T3 cho L. Tuy nhiên sau khi nhận tiền, hồ sơ L không xin việc theo thoả thuận mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến nay L chưa trả tiền cho bà L2.

Quá trình điều tra anh T1, chị B, anh H1, bà L2 giao nộp các giấy vay tiền, giấy biên nhận, giấy cam kết do Ma Thị L viết khi nhận tiền. Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định tại Phòng K1 Công an tỉnh T về chữ viết, chữ ký của Ma Thị L trong các giấy vay tiền, giấy biên nhận, giấy cam kết.

Tại kết luận giám định số 917/KL-KTHS ngày 14/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận:

"- Chữ viết, chữ ký mang tên Ma Thị L trên mẫu cần giám định ký hiệu M1, M3, M6, M7, M8, M10 so với chữ viết, chữ ký mang tên Ma Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu S1 do cùng một người viết, ký ra.

- Chữ viết, chữ ký mang tên Ma Thị L (Trừ phần chữ viết có nội dung: "15/3/2021… =201 tr") trên mẫu cần giám định ký hiệu M2 so với chữ viết, chữ ký mang tên Ma Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu S1 do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết, chữ ký mang tên Ma Thị L dưới mục "Người nhận tiền"; Chữ viết, chữ ký bằng mực màu đen trên mẫu cần giám định ký hiệu M4 so với chữ viết, chữ ký mang tên Ma Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu S1 do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết tại phần "Bên B"; chữ viết, chữ ký dưới mục "Bên vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu M5 so với chữ viết, chữ ký mang tên Ma Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu S1 do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết, chữ ký dưới mục "Bên vay" mang tên Ma Thị L trên mẫu cần giám định ký hiệu M9 so với chữ viết, chữ ký mang tên Ma Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu S1 do cùng một người viết và ký ra."

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, Ma Thị L đã trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 116.000.000 đồng; trả cho anh Trần Xuân H1 số tiền 150.000.000 đồng; trả cho anh

Nguyễn Anh T2 đủ số tiền 70.000.000 đồng, anh T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm. Trước khi xét xử bị cáo nhờ em gái là Ma Thị L3 trả cho anh T1 50.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 94/CT-VKS-P2 ngày 03/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Ma Thị Lương về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa bị hại Chu Thanh T1 yêu cầu bị cáo L bồi thường 170.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị B yêu cầu bị cáo L bồi thường 95.000.000 đồng; anh Trần Xuân H1 yêu cầu bị cáo L bồi thường 45.000.000 đồng và bà Phạm Thị L2 yêu cầu bị cáo L bồi thường 200.500.000 đồng. Ngoài ra các bị hại không yêu cầu gì khác. Về trách nhiệm hình sự bà L2 đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, anh T1, chị B, anh H1, anh T2 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong lời luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã kết luận giữ nguyên Cáo trạng truy tố về tội danh đối với bị cáo; từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Buộc bị cáo Ma Thị L có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại: Anh Chu Thanh T1 170.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị B 95.000.000 đồng; anh Trần Xuân H1 45.000.000 đồng và bà Phạm Thị L2 200.500.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù và không có tài sản gì để có thể nộp tiền phạt.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh, khung, khoản và điều luật áp dụng mà cáo trạng của VKS đã truy tố và kết luận. Bị cáo có nhân thân tốt, đã tích cực bồi thường cho các bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có bố, mẹ có công với cách mạng, tại phiên tòa bị hại Phạm Thị L2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 12 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản riêng.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư, không bổ sung gì.

Các bị hại không tranh luận gì.

Kiểm sát viên đối đáp giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất và xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sư vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, hai người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đủ lời khai tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 293 bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định của Phòng K1 Công an tỉnh T và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Ma Thị L là nhân viên của trường THPT L5, do không có tiền để chi tiêu cá nhân nên L đã nảy sinh ý định lừa nhận tiền xin việc của người khác, sau đó chiếm đoạt tiền của họ để chi tiêu cá nhân. Để thực hiện mục đích, Lương tự tìm hiểu thông tin việc làm trên báo T4 để biết nhu cầu tuyển việc làm trên địa bàn thành phố T, rồi đưa ra thông tin gian dối về việc L có nhiều mối quan hệ với các lãnh đạo của Sở Nội vụ của tỉnh Thái Nguyên, nên có thể xin được việc làm cho người khác vào làm tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Từ đầu năm 2020 đến tháng 5 năm 2022 tin tưởng thông tin của L đưa ra là thật nên anh Chu Thanh T1, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Tuấn A, anh Trần Xuân H1 và bà Phạm Thị L2 đã đưa tiền cho L bằng hình thức trực tiếp và chuyển khoản với tổng số tiền là 861.500.000 đồng. Trong đó anh T1 đưa 185.000.000 đồng, chị B đưa 211.000.000 đồng, anh A đưa 70.000.000 đồng, anh H1 đưa 195.000.000 đồng và bà L2 đưa 200.500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của những người trên bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Với hành vi nêu trên, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Ma Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 174 BLHS quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng… thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

…4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000đồng trở lên.

[3]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo phải xét xử nghiêm khắc, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã bồi thường được toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh T2, bồi thường được một phần cho chị B, anh H1 và anh T1; gia đình bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng, quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng giấy khen nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 2 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Chu Thanh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường 170.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường 95.000.000 đồng; anh Trần Xuân H1 yêu cầu bị cáo bồi thường 45.000.000 đồng và bà Phạm Thị L2 yêu cầu bị cáo bồi thường 200.500.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường cho anh T1, anh B, anh H1 và bà L2.

Số tiền chị Ma Thị L3 bồi thường cho anh Chu Thanh T1 thay bị cáo, tại phiên tòa chị L3 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả nên không giải quyết.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[8]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp nhưng cần xử phạt mức 13 năm tù. Lời đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Ma Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Ma Thị L 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2023. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 466; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự:

Bị cáo Ma Thị L có trách nhiệm bồi thường cho anh Chu Thanh T1 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Thị B 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho anh Trần Xuân H1 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và bồi thường cho bà Phạm Thị L2 200.500.000 đồng (Hai trăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo L phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 24.420.000đồng (Hai mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Điều 26 Luật thi hành án Dân sự quy đinh: "Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự"./.

Nơi nhận:
- TANDTC; TANDCC;
- VKSNDCC, VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhài